

Số: /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày tháng 10 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Chỉ thị số 41/CT-TTg ngày 01 tháng 12 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về một số giải pháp cấp bách tăng cường quản lý chất thải rắn;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 606/TTr-TNMT ngày 28/9/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này “Đề án thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030”.

Điều 2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan, UBND các huyện, thành phố triển khai thực hiện Đề án; Kiểm tra, đôn đốc, hướng dẫn các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố thực hiện nội dung Đề án. Tổng hợp kết quả thực hiện hàng năm, báo cáo Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Khoa học công nghệ, Sở Thông tin và truyền thông, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Liên minh hợp tác xã, Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh;
- Hội Nông dân tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh;
- Báo Bắc Giang;
- Chi cục Bảo vệ môi trường Bắc Giang;
- Văn phòng UBND tỉnh:
 - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
 - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ô Pích

ĐỀ ÁN**Thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Giang)

Phần thứ nhất**SỰ CẦN THIẾT VÀ CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN****I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

Trên địa bàn tỉnh Bắc Giang hoạt động sản xuất nông nghiệp ngày một phát triển với các cây trồng chủ đạo như: cây ăn quả, cây rau màu các loại và cây lúa. Việc sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật (BVTV) trong sản xuất nông nghiệp là yêu cầu bắt buộc để bảo đảm năng suất cây trồng. Theo số liệu thống kê, tổng lượng thuốc BVTV của tỉnh dao động từ 130-140 tấn/năm. Trong quá trình sử dụng nhiều người dân còn vứt bao gói thuốc BVTV bừa bãi ngoài đồng ruộng, khoảng 88% khối lượng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng chưa được thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định dẫn tới tình trạng bao gói thuốc BVTV tồn lưu trên cánh đồng còn lớn, tiềm ẩn nguy cơ cao gây ô nhiễm môi trường đất, nước, giảm chất lượng nông sản và ảnh hưởng đến sức khỏe người dân.

Trước tình hình đó, công tác quản lý chất thải trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh cần được quan tâm thực hiện, trong đó có chất thải từ hoạt động sử dụng hóa chất BVTV. UBND tỉnh, các sở, ngành đã ban hành các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn chi tiết việc quản lý thuốc BVTV đến cơ sở thôn/bản, quy định rõ trách nhiệm của Ban quản lý và của người dân trong quá trình sử dụng thuốc BVTV, thu gom bao gói thuốc BVTV; Triển khai xây dựng mô hình "Dịch vụ bảo vệ thực vật cơ sở" giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp. Bên cạnh đó, công tác thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đã được triển khai, toàn tỉnh hiện có 7.311 bể chứa bao gói thuốc BVTV tại các vườn đồi, cánh đồng. Tuy nhiên, công tác thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh còn một số tồn tại như: (i) Việc đề xuất, đầu tư, bố trí các điểm thu gom, xử lý, tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn các huyện, thành phố chưa được triển khai đồng bộ, hiệu quả; (ii) Công tác tuyên truyền về thu gom, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và BVMT còn hạn chế; (iii) Chưa nâng cao được ý thức, trách nhiệm của người dân; (iv) chưa có sự vào cuộc tích cực của các cấp chính quyền, địa phương.

Từ thực trạng trên, cần có giải pháp mang tính lâu dài để tăng cường tuyên truyền, nâng cao trách nhiệm cho nhân dân về việc thu gom bao gói thuốc BVTV; xây dựng được phương án thu gom, vận chuyển và xử lý bảo đảm tiêu chuẩn để

xử lý triệt để bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong sản xuất nông nghiệp. Chính vì vậy “Đề án thu gom, vận chuyển xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030” được xây dựng nhằm đánh giá thực trạng phát sinh, công tác thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh; từ đó đề ra mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và phân công cụ thể trách nhiệm cho các ban, ngành, đoàn thể, các cấp chính quyền, địa phương, tổ chức, cá nhân để tổ chức thực hiện.

II. CĂN CỨ XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

- Luật số 41/2013/QH13 Luật Bảo vệ và Kiểm dịch thực vật ban hành ngày 25 tháng 11 năm 2013.

- Luật số 72/2020/QH14 Luật Bảo vệ môi trường ban hành ngày 17 tháng 11 năm 2020.

- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 02/2017/TT- BTC ngày 06/01/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Thông tư số 31/2023 /TT-BTC ngày 25/5/2023 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

- Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Tài nguyên môi trường và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng.

Phần thứ 2
THỰC TRẠNG PHÁT SINH, THU GOM, XỬ LÝ BAO GÓI
THUỐC BVTV SAU SỬ DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. HIỆN TRẠNG PHÁT SINH BAO GÓI THUỐC BVTV

1. Nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh đến từ 3 khu vực chính: (i) Khu vực sản xuất: các nhà máy sản xuất thuốc BVTV; (ii) Các cơ sở kinh doanh thuốc BVTV; và (iii) Các khu vực sản xuất nông nghiệp: Tổ chức, cá nhân sản xuất nông nghiệp. Trong ba nguồn trên, đối tượng quản lý chính của Đề án là vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phát sinh tại các khu vực sản xuất nông nghiệp trên đồng ruộng.

2. Khối lượng phát sinh

Theo kết quả nghiên cứu của Viện Bảo vệ thực vật khối lượng bao gói thuốc BVTV bình quân chiếm khoảng 14,86% và lượng thuốc BVTV dư thừa còn bám lại trên vỏ bao gói bình quân là 1,85% tỷ trọng của bao gói.

Khối lượng bao gói thuốc BVTV phát sinh bình quân trên địa bàn tỉnh là gần 21,4 tấn/năm (21,356 tấn/năm). Dư lượng thuốc BVTV còn bám lại trên bao gói ước tính là gần 0,4 tấn/năm (395,1 kg/năm).

3. Thành phần, tính chất

Kết quả điều tra cho thấy bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh được làm từ các túi nilon (polymer tổng hợp) chiếm tỷ lệ cao nhất với 60,3%; tiếp theo là chai nhựa chiếm 34,6%; chai thủy tinh chiếm 2,1% và khoảng 3,0% là từ các vật liệu khác.

Mức độ nguy hại của bao gói sau sử dụng phụ thuộc vào dư lượng thuốc BVTV bám lại trên bao gói và tính chất hóa học của mỗi loại thuốc BVTV sử dụng. Thông thường, các bao gói dạng chai, lọ (đặc biệt là thủy tinh) sẽ dễ tráng, rửa hơn so với các bao gói dạng túi (đặc biệt túi nilon) nên dư lượng thuốc BVTV bám lại sẽ ít hơn. Xét về mức độ độc hại, các loại thuốc BVTV bị cấm, không rõ nguồn gốc sẽ đặc biệt nguy hại do có độc tố cao hoặc không rõ mức độ độc hại để phòng tránh; tiếp đó là các loại thuốc BVTV có nguồn gốc hóa học. Mức độ độc hại nhẹ hơn nhiều đối với các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học.

II. ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG QUẢN LÝ BAO GÓI THUỐC BVTV TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Thu gom, vận chuyển bao gói thuốc BVTV

Tổng khối lượng bao gói thuốc BVTV được thu gom hàng năm là 20,07 tấn/năm, đạt gần 94% (93,99%). Trong đó, tỷ lệ được vận chuyển và xử lý đúng quy định về quản lý CTNH là 2,4 tấn/năm đạt 11,24% (tập trung tại 4 địa phương: TP Bắc Giang, huyện Tân Yên, huyện Yên Dũng và huyện Hiệp Hòa); tỷ lệ vận chuyển và xử lý lẫn với chất thải rắn sinh hoạt (CTRS) là gần 17,7 tấn/năm (tập

trung tại 6 địa phương còn lại) chiếm tỷ lệ 82,75%; còn một lượng bị vứt bỏ bừa bãi trên đồng ruộng là 1,3 tấn/năm, chiếm 6,01%.

2. Xử lý bao gói thuốc BVTV

Việc xử lý bao gói thuốc BVTV cần phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về quản lý CTNH được quy định trong Luật Bảo vệ môi trường 2020 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT. Hiện nay trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đã có 9/10 địa phương ký hợp đồng với đơn vị có chức năng (như: Công ty CP Xử lý, tái chế chất thải công nghiệp Hòa Bình; Công ty Cổ phần môi trường Thuận Thành...) vận chuyển và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV, trong đó có 4 địa phương gồm: thành phố Bắc Giang, huyện Yên Dũng, Tân Yên và Hiệp Hòa là đã thực hiện hoạt động vận chuyển và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV. Công nghệ xử lý bao gói thuốc BVTV của cả hai đơn vị này đều là phương pháp đốt ở nhiệt độ cao, đảm bảo quy định về xử lý CTNH.

Tổng lượng bao gói thuốc BVTV được xử lý trên địa bàn tỉnh là 20,07 tấn/năm chiếm 93,99% tổng lượng phát sinh (21,4 tấn/năm). Tuy nhiên, lượng xử lý đạt tiêu chuẩn theo quy định về quản lý CTNH mới đạt 2,4 tấn/năm (chiếm 11,2%); còn lại khoảng 17,7 tấn/năm được xử lý cùng với CTRSH (chiếm 82,75%) và khoảng 1,3 tấn/năm chưa được xử lý (chiếm 6,02%)

Bên cạnh đó, trên thực tế tại một số địa phương có hiện tượng người dân chôn lấp và đốt bỏ bao gói thuốc BVTV trên đồng ruộng. Cả hai hình thức trên đều không đảm bảo yêu cầu, không tuân thủ đúng quy định của Luật Bảo vệ môi trường và tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

3. Hiện trạng tồn dư thuốc BVTV trong đất

Kết quả quan trắc môi trường thời gian qua cho thấy hàm lượng của các thành phần như: Lindan, DDE, DDD, DDT, Alpha-BHC, Beta-BHC, Delta-BHC, Heptaclor và Heptaclor Epoxide ở ngưỡng thấp hơn 0,005 mg/kg đất khô; hàm lượng của các thành phần như: Endosulfan, Endrin và Endrin Aldehyde nằm dưới mức 0,00005 mg/kg đất khô; và hàm lượng các thành phần như: Aldrin và Dieldrin nằm dưới mức 0,002 mg/kg đất khô. Như vậy, kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ tại 100% mẫu đất đều cho kết quả nằm dưới ngưỡng cho phép của QCVN15:2008/ BTNMT và QCVN03:2023/BTNMT – Loại 1. Tuy nhiên, so sánh kết quả phân tích của đề án với kết quả phân tích dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ trong đất tại các khu vực trồng cây ăn quả trọng điểm huyện Yên Thế, Lục Ngạn và Lục Nam năm 2018 (100% mẫu đất không phát hiện dư lượng thuốc BVTV) có thể thấy đã có dấu hiệu tích lũy và gia tăng dư lượng thuốc BVTV nhóm Clo hữu cơ trong đất theo thời gian.

4. Công tác tuyên truyền về hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV

- Hoạt động tuyên truyền, nâng cao ý thức BVMT của người dân, đặc biệt là ở khu vực nông thôn đã được triển khai thường xuyên, phổ biến trên địa bàn tỉnh. Trong đó đã có những nội dung liên quan trực tiếp tới các nội dung về quản lý bao gói thuốc BVTV;

- Một số mô hình BVMT có hiệu quả được duy trì và nhân rộng như các mô hình: Cánh đồng xanh 3 không (không sử dụng thuốc trừ cỏ; không dùng chất kích thích sinh trưởng; không vỏ bao gói thuốc BVTV và túi nilon); Chi, tổ hội nông dân thu gom rác thải; “Thu gom, phân loại và xử lý rác thải hữu cơ thành phân bón bằng chế phẩm sinh học tại gia đình”;

- Tăng cường vận động, huy động các nguồn lực tập trung hỗ trợ, hướng dẫn hội viên xây dựng các mô hình ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao, sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ, sinh thái, đồng thời tích cực đưa tiến bộ khoa học, kỹ thuật, công nghệ để nâng cao hiệu quả sản xuất; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi bảo đảm theo hướng an toàn thực phẩm... Nhờ vậy, tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học trên địa bàn tỉnh đạt mức cao (45%) so với tỷ lệ bình quân của cả nước (chỉ khoảng 8 - 10%);

- Hội Nông dân tỉnh đã giao chỉ tiêu thi đua cho các cấp hội xây dựng các mô hình nông dân tham gia BVMT và thích ứng với biến đổi khí hậu tại cơ sở và chi hội;

Tuy nhiên, trong thời gian tới cần thiết phải có các hoạt động tuyên truyền mang tính trực diện và chuyên sâu hơn liên quan đến việc sử dụng thuốc BVTV đúng cách; nâng cao hiểu biết về tác hại của thuốc BVTV đối với môi trường và con người; các kiến thức về giảm thiểu tác động của thuốc BVTV; và trách nhiệm của người dân trong việc BVMT nói chung và hoạt động quản lý bao gói thuốc BVTV nói riêng.

5. Nguồn kinh phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV

Kinh phí đầu tư cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trong những năm qua chưa được bóc tách thành mục riêng biệt mà lồng ghép chung trong kinh phí thu gom, xử lý rác thải nói chung tại các địa phương. Trong thời gian bố trí kinh phí trực tiếp cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV, tách nguồn kinh phí này ra khỏi kinh phí thu gom xử lý CTRSH và phân bổ cho các huyện/thành phố.

6. Quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng

- Sau khi pha thuốc BVTV, có 73,0% người dân được phỏng vấn đã thực hiện việc thái bỏ bao gói thuốc vào các bể/thùng chứa theo quy định tại địa phương, còn lại 21,3% thái bỏ chưa đúng quy định (không vứt vào bể chứa), cá biệt còn có 5,7% hộ thực hiện hành vi đốt bao gói thuốc BVTV ven đồng;

- Sau khi phun thuốc, có 86,7% các hộ nhân dân tiến hành rửa và đổ nước rửa bình phun ngay tại kênh mương trên đồng, trong khi đó công việc này thực hiện ở nhà và tại các ao hồ gần nhà chiếm tỉ lệ ít hơn lần lượt là 10% và 3,3%.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Kết quả đạt được

- Công tác quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao của Ủy ban nhân tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông

nghiệp và Phát triển nông thôn, Các cơ quan ban ngành, tổ chức chính trị xã hội; sự phối hợp tích cực của UBND, phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Phòng Tài nguyên và Môi trường các huyện/thành phố và đông đảo người dân trong quá trình triển khai thực hiện;

- Công tác tuyên truyền thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh đã được thực hiện lồng ghép trong các chương trình truyền thông về BVMT. Công tác chỉ đạo, tổ chức và hoạt động BVMT trên địa bàn tỉnh được chú trọng; phong trào BVMT, đặc biệt là tại khu vực thôn được đẩy mạnh với nhiều mô hình tích cực được triển khai và nhân rộng nhờ đó nhận thức về công tác BVMT của người dân từng bước được nâng lên;

- Khối lượng thuốc BVTV sử dụng bình quân/ha đất trồng trọt của tỉnh (1,54 kg/ha/năm) thấp hơn so với mức bình quân chung của cả nước (1,7 kg/ha/năm); Đặc biệt tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học của tỉnh đạt 45% cao hơn rất nhiều so với tỷ lệ bình quân của cả nước (8-10%);

- Các địa phương trên địa bàn tỉnh đã nhận thức được tầm quan trọng của công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên đồng ruộng;

- Chất lượng môi trường đất tại các khu canh tác 3 nhóm cây trồng chủ lực của tỉnh: Cây ăn quả; Cây hoa, rau màu; Cây lúa đều còn tốt, chưa bị ô nhiễm bởi dư lượng thuốc BVTV.

2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

2.1. Tồn tại, hạn chế

- Tỷ lệ được thu gom, vận chuyển và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV đúng quy định về quản lý CTNH thấp, chỉ đạt 11,24%; còn 6,02% vỏ bao gói thuốc BVTV vứt bỏ ngoài môi trường;

- Cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV chưa bảo đảm, cụ thể: Số lượng bể chứa bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh mới đạt 39% so với yêu cầu (số lượng bể còn thiếu khoảng 10 nghìn bể); một số bể chứa xây dựng không đúng kỹ thuật (không có nắp đậy, hình dạng không phù hợp, vật liệu chưa bảo đảm), bị cũ hỏng và đặt sai vị trí (vị trí không thuận lợi cho người dân vứt bỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng);

- Ý thức, trách nhiệm của người dân (người sử dụng thuốc BVTV) trên địa bàn tỉnh còn chưa cao. Còn khoảng 10% người dân chưa tuân thủ đúng kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV (quy tắc 4 đúng). Hiện tượng người dân vứt bỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng ra ngoài môi trường còn phổ biến (21,3%); còn hiện tượng vứt bỏ và thu gom bao gói thuốc BVTV lẫn với CTRSH và đốt bỏ bao gói thuốc BVTV trên đồng ruộng (5,7%);

- Tổ chức thực hiện: Các địa phương chưa ban hành quy chế quản lý bao gói thuốc BVTV;

- Nguồn kinh phí dành cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh chưa được bố trí tách biệt.

2.2. Nguyên nhân của các tồn tại, hạn chế

- Tỉnh hiện chưa ban hành Đề án/Kế hoạch cụ thể cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV dẫn tới các huyện, thành phố trực thuộc gặp khó khăn, lúng túng trong quá trình quản lý loại chất thải này; các cơ quan chức năng liên quan chưa nắm rõ trách nhiệm và nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp;
- Công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao hiểu biết và trách nhiệm của người dân trong sử dụng thuốc BVTV và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng còn chưa đi vào chiều sâu; ý thức trong việc thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV còn hạn chế;
- Kinh phí phân bổ cho hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV chưa được tách biệt dẫn tới hạn chế trong đầu tư cho các hoạt động xây dựng bể chứa bao gói thuốc BVTV trên đồng ruộng; thiếu kinh phí thực hiện các hợp đồng đã ký kết với đơn vị vận chuyển và xử lý CTNH;
- Hạ tầng kỹ thuật phục vụ công tác quản lý bao gói thuốc BVTV chưa bảo đảm như: Thiếu số lượng lớn các bể chứa bao gói thuốc BVTV; Kỹ thuật thiết kế, xây dựng và đặt các bể chứa chưa bảo đảm;
- Thiếu chế tài xử phạt hoặc chưa thực hiện việc xử phạt nghiêm với các hành vi không tuân thủ quy định về vứt bỏ, thu gom và xử lý bao gói thuốc BVTV sau khi sử dụng;
- Hoạt động theo dõi, giám sát dư lượng thuốc BVTV trong các thành phần môi trường chưa đồng bộ, đặc biệt là tại các khu vực canh tác nông nghiệp trọng điểm như khu vực trồng cây ăn quả, hoa, rau màu chính trên địa bàn tỉnh;
- Thiếu cơ chế, chính sách khuyến khích cụ thể đối với các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ cao trong nghiên cứu sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học; ứng dụng thiết bị bay không người lái trong phun thuốc BVTV; các kỹ thuật về kiểm soát dịch bệnh tổng hợp trên đồng ruộng (IPM),...

Phần thứ 3

QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP QUẢN LÝ BAO GÓI THUỐC BẢO VỆ THỰC VẬT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

I. QUAN ĐIỂM

Đề án là cơ sở nâng cao chất lượng, hiệu quả của hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh từ nay đến năm 2030;

Công tác thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV là trách nhiệm chung của toàn xã hội, trong đó Nhà nước đóng vai trò chủ đạo, người sử dụng thuốc BVTV là chủ thể chính; tiếp tục đẩy mạnh việc xã hội hóa nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực để tăng cường đầu tư cho hoạt động này.

II. MỤC TIÊU

- Tỷ lệ bao gói thuốc BVTV được thu gom và xử lý đúng quy định đạt 95% vào năm 2025 và 97% trở lên vào năm 2030;

- Tỷ lệ bề thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh đảm bảo quy định đạt 95% vào năm 2025; và 100% vào năm 2026.

III. NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

1. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường trong sử dụng thuốc BVTV và thải bỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng

- Xây dựng sổ tay/Tờ rơi/Tài liệu tập huấn về: Kỹ thuật 4 đúng trong sử dụng thuốc BVTV; Kỹ thuật súc rửa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; quy định vứt bỏ bao gói thuốc BVTV đúng nơi quy định; kỹ thuật Quản lý dịch hại tổng hợp (IPM) trên đồng ruộng nhằm hạn chế sử dụng thuốc BVTV;

- Nghiên cứu và xây dựng các mô hình truyền thông mới phù hợp với thời đại công nghệ thông tin;

- Đẩy mạnh hoạt động tuyên truyền phổ biến các nội dung của Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật có liên quan đến BVMT trong sản xuất nông nghiệp, nông thôn, đặc biệt là quy định về quản lý CTNH trong đó có quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

- Tiến hành lồng ghép các quy định về quản lý bao gói thuốc BVTV vào các hương ước/quy ước của làng/xã; tiêu chí đánh giá xây dựng nông thôn mới; làng văn hóa; gia đình văn hóa.

2. Hoàn thiện cơ sở hạ tầng kỹ thuật phục vụ hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh

- Tiến hành ra soát các bể chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng hiện có trên địa bàn tỉnh nhằm thay thế hoặc cải tạo các bể chứa đạt yêu cầu về kỹ thuật thiết kế, bị hư hỏng; Bố trí lại các bể thu gom đang đặt ở các vị trí không phù hợp, không thuận tiện cho việc bỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng của người dân;

- Xây mới 1.090 bể thu gom bao gói thuốc BVTV cho các địa phương trong tỉnh nhằm đạt được tỷ lệ theo yêu cầu quy định.

3. Đẩy mạnh nghiên cứu sản xuất, sử dụng thuốc BVTV sinh học và ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sử dụng thuốc BVTV tại các khu vực trồng cây ăn quả và sản xuất rau tập trung trên địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và sản xuất các loại thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc thân thiện với môi trường;

- Thí điểm thực hiện các mô hình sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc thiên nhiên cho khu vực trồng cây ăn quả hoặc rau màu;

- Đánh giá hiệu quả thực tế, đề xuất triển khai nhân rộng việc sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc. Xây dựng Tài liệu/Sổ tay hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học, thảo mộc cho bà con nông dân;

- Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, kỹ thuật hiện đại trong sử dụng thuốc BVTV như sử dụng máy bay không người lái, thiết bị máy móc tự động hóa trong phun, rải thuốc BVTV; ứng dụng kỹ thuật kiểm soát sinh học (sử dụng các loài thiên địch tự nhiên), phòng ngừa dịch hại tổng hợp trên đồng ruộng; kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV như “4 đúng”, “5 quy tắc vàng”...

4. Thực hiện quan trắc và giám sát chất lượng môi trường tại các khu vực có nguy cơ cao bị ảnh hưởng bởi dư lượng thuốc BVTV

- Lòng ghép hoạt động theo dõi, giám sát dư lượng thuốc BVTV vào chương trình quan trắc môi trường của tỉnh;

- Rà soát, nghiên cứu và đề xuất vị trí, tần suất và thông số giám sát dư lượng thuốc BVTV trong môi trường đất, nước, không khí;

- Đưa ra các cảnh báo và khuyến nghị kịp thời cho cơ quan quản lý có liên quan và bà con nông dân về diễn biến dư lượng thuốc BVTV trong môi trường.

5. Duy trì hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn các huyện/thành phố theo đúng quy định về quản lý CTNH

- Xây dựng và ban hành các kế hoạch, bố trí kinh phí thu gom và vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV phù hợp với tình hình thực tế của địa phương dựa trên các nội dung cụ thể đã được đưa ra trong Đề án của tỉnh;

- Tổ chức hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh: Quản lý các bể thu gom; ký kết hợp đồng với các đơn vị vận chuyển và xử lý CTNH; giám sát hoạt động vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV; tổ chức đánh giá, tổng hợp kết quả và báo cáo hàng năm.

6. Đẩy mạnh hoạt động thanh kiểm tra việc thực hiện quy định về quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh

- Thường xuyên tổ chức thanh kiểm tra, phát hiện và xử phạt nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về BVMT trong sản xuất nông nghiệp và quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh;

- Nghiêm cấm các hành vi như: buôn bán, sử dụng thuốc BVTV bị cấm, không rõ nguồn gốc; vứt bỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng không đúng quy định/lần với CTRSH; đốt bỏ, chôn lấp bao gói thuốc BVTV sau sử dụng.

IV. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Giải pháp định hướng tuyên truyền, tập huấn công tác thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng

- Xây dựng tài liệu, sổ tay hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV; hướng dẫn các biện pháp kỹ thuật cần áp dụng trong sản xuất trồng trọt để hạn chế đến mức thấp nhất việc sử dụng thuốc BVTV, đảm bảo chất lượng nông sản, BVMT và sức khỏe cộng đồng;

- Xây dựng các tin, bài, phóng sự với các nội dung về hướng dẫn kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả; hướng dẫn kỹ thuật thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; phát huy vai trò của các tổ chức đoàn thể, các hợp tác xã nông nghiệp trong việc tuyên truyền cho hội viên, thành viên của tổ chức mình hiểu và chấp hành các quy định về BVMT trong sử dụng thuốc BVTV; thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

- Xây dựng và thực hiện hương ước, quy ước, quy chế ở các cộng đồng dân cư về giám sát hoạt động thải bỏ và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, bảo quản bể chứa bao gói thuốc BVTV; đưa nội dung thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào tiêu chí bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hóa. Hàng năm đánh giá việc thực hiện hương ước của khu dân cư về nội dung giám sát thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và bảo quản bể chứa;

- Xây dựng kênh thông tin, chuyển đổi số nhằm cung cấp thông tin và tuyên truyền cho người dân qua trang web, zalo, internet, áp điện thoại... về ảnh hưởng của thuốc BVTV và bao gói thuốc BVTV tới môi trường, sức khỏe cộng đồng; hướng dẫn sử dụng thuốc BVTV đúng cách; thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV đúng quy định của luật pháp,...

- Hàng năm phát động các phong trào thi đua, biểu dương, tôn vinh, khen thưởng đối với các tập thể cá nhân có thành tích xuất sắc, giải pháp, sáng kiến trong công tác thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV;

- Vận động cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên và nhân dân ở các khu dân cư thay đổi thói quen xả rác trong sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp. Nâng cao ý thức, trách nhiệm trong thực hiện phân loại rác thải tại nguồn. Gắn việc thu gom bao gói thuốc BVTV với các mô hình tự quản về BVMT ở khu dân cư. Hỗ trợ kinh phí để các mô hình này hoạt động có hiệu quả mang lại lợi ích chung cho cộng đồng;

- Hội nông dân, khuyến nông kết hợp với Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổ chức các lớp tập huấn phổ biến cho các cá nhân, tổ chức có hoạt động sản xuất nông nghiệp và các hộ kinh doanh vật tư nông nghiệp về ảnh hưởng của thuốc BVTV khi không sử dụng đúng cách;

- Thành lập các hợp tác xã, chi hội, tổ vệ sinh môi trường, thực hiện thu

gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn nông thôn hợp vệ sinh; giám sát ngăn chặn tình trạng xả rác, bao gói thuốc BVTV xuống các kênh mương, ao, hồ...

2. Quy hoạch điểm đặt bể chứa, khu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong hoạt động sản xuất nông nghiệp

Việc quy hoạch vị trí đặt; yêu cầu thiết kế kỹ thuật của bể chứa và khu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phải tuân thủ các quy định tại Điều 3, Chương II - Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT, cụ thể:

a) Yêu cầu kỹ thuật đối với các bể chứa bao gói thuốc BVTV

- Vị trí đặt bể: Đặt ở các vị trí thích hợp, dễ nhận biết ven đường, trục giao thông nội đồng, bờ ruộng lớn; không bị ngập lụt, gần điểm pha chế thuốc BVTV trước khi đem đi phun rải để thuận tiện cho việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; không làm ảnh hưởng đến nguồn nước sinh hoạt, khu dân cư, giao thông và mỹ quan nông thôn.

- Vật liệu xây dựng bể: Làm bằng vật liệu bền chắc, có khả năng chống ăn mòn, không bị rò rỉ, không phản ứng hóa học với chất thải chứa bên trong;

- Kích thước hình học của bể: Có hình ống hoặc hình khối chữ nhật; Dung tích bể chứa khoảng 0,5 - 01 m³, có nắp đậy kín;

- Yêu cầu gắn biển cảnh báo cho bể: Bên ngoài bể chứa có ghi dòng chữ “Bể chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về CTNH-Dấu hiệu cảnh báo;

- Mật độ đặt bể: Số lượng bể tối thiểu phải có: 01 bể/03 ha đất trồng cây hàng năm hoặc 01 bể/10 ha đất trồng cây lâu năm có sử dụng thuốc BVTV.

b) Yêu cầu kỹ thuật đối với Khu chứa bao gói thuốc BVTV

- Yêu cầu xây dựng: Việc xây dựng khu lưu chứa bao gói thuốc BVTV phải căn cứ vào tình hình thực tế của địa phương. Trong trường hợp không cần thiết không phải tiến hành xây dựng các khu lưu chứa này;

- Vị trí khu lưu chứa bao gói thuốc BVTV: Bố trí tại địa điểm xa khu dân cư, nguồn nước, chợ, bệnh viện, trường học và đảm bảo các yêu cầu khác về BVMT;

- Yêu cầu thiết kế: Khu vực lưu chứa phải kín, không bị khuyếch tán mùi ra bên ngoài, có độ cao nền đảm bảo không bị ngập lụt; tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào, có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu chứa bằng vật liệu không cháy, có biện pháp hoặc thiết kế hạn chế gió trực tiếp vào bên trong, có rãnh thu chất lỏng về một hố ga thấp hơn sàn để đảm bảo không chảy tràn chất lỏng ra bên ngoài khi vệ sinh, chữa cháy hoặc sự cố rò rỉ. Mặt sàn, hố ga trong khu vực lưu chứa được làm bằng vật liệu chống thấm;

- Yêu cầu gắn biển cảnh báo: Bên ngoài khu vực lưu chứa có ghi dòng chữ “Khu vực lưu chứa bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng (tên địa phương)” và biểu tượng cảnh báo nguy hiểm theo Tiêu chuẩn Việt Nam TCVN 6707:2009 về CTNH - Dấu hiệu cảnh báo;

- Yêu cầu lưu chứa bao gói thuốc BVTV

+ Bao gói thuốc BVTV sau sử dụng tại khu vực lưu chứa được đóng gói cẩn thận trong bao bì chuyên dụng có khả năng chịu được va chạm, chống được sự ăn mòn, không bị gỉ, không phản ứng hóa học với thuốc BVTV chứa bên trong, có khả năng chống thấm hoặc thẩm thấu, rò rỉ;

+ Các gói chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phải được xếp cách tường bao quanh của khu vực lưu chứa ít nhất 50 cm, không cao quá 300 cm, có lối đi chính thẳng hàng và rộng ít nhất 150 cm.

3. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế chính sách hỗ trợ công tác thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng

- Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút, khuyến khích, xã hội hóa về công tác thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH khu vực nông thôn, tạo động lực để các tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh đầu tư vào xử lý CTNH;

- Khuyến khích, hỗ trợ các cơ sở sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV thực hiện trách nhiệm xã hội trong việc thu hồi, xử lý thuốc BVTV quá hạn sử dụng; vận chuyển, xử lý tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

- Đẩy mạnh xã hội hóa công tác xây dựng, lắp đặt bể chứa, khu vực lưu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn các huyện, thành phố.

4. Giải pháp tổ chức thu gom, bao gói thuốc BVTV sau sử dụng

- Xây dựng các mô hình điểm về sử dụng thuốc BVTV an toàn; thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn các huyện, thành phố;

- Xây dựng mô hình câu lạc bộ IPM (Integrated Pest Management - Quản lý dịch hại tổng hợp) với sự tham gia của các hộ nông dân trực tiếp sản xuất nông nghiệp để trao đổi những bài học kinh nghiệm, tuyên truyền và phổ biến các tiến bộ khoa học kỹ thuật đặc biệt là nguyên tắc “4 đúng”, “5 quy tắc vàng” trong sử dụng thuốc BVTV cho cây trồng nhằm tăng năng suất, chất lượng nông sản;

- Thành lập Tổ dịch vụ BVTV gắn với thu gom bao gói thuốc BVTV tại các huyện, thành phố. Tổ dịch vụ BVTV thực hiện việc kiểm tra thăm đồng, tổ chức phun phòng trừ dịch hại cây trồng nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, hạn chế sử dụng thuốc BVTV; quản lý tốt việc sử dụng, nâng cao nhận thức cho người nông dân về sử dụng thuốc BVTV đảm bảo an toàn cho môi trường sinh thái;

- Mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV cho các địa phương như sau: Người sử dụng thuốc BVTV → Bể chứa → Tổ thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV → Đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH;

- Phương tiện thu gom, vận chuyển bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

+ Phương tiện vận chuyển bao gói thuốc BVTV từ bể chứa về điểm tập kết phải đảm bảo không rơi vãi. Người thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng phải thực hiện các biện pháp an toàn lao động trong quá trình thu gom; trang bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, quần áo bảo hộ, ủng cao su và các phương tiện, vật tư cần thiết khác;

+ Yêu cầu kỹ thuật đối với phương tiện vận chuyển bao gói thuốc BVTV: Đảm bảo không rơi vãi, phát tán bao gói thuốc BVTV hoặc nước rỉ ra môi trường trong suốt quá trình vận chuyển đến khi chuyển giao cho Chủ xử lý; đáp ứng yêu cầu kỹ thuật về BVMT theo quy định tại Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- Trình tự thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng được thực hiện theo các bước sau:

+ Bước 1: Người sử dụng thuốc BVTV phải để bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào bể chứa;

+ Bước 2: Tổ thu gom của địa phương thu gom, vận chuyển bao gói thuốc BVTV từ các bể chứa đến khu lưu trữ khi các bể chứa đã đầy;

+ Bước 3: Đơn vị vận chuyển và xử lý CTNH tiến hành vận chuyển bao gói thuốc BVTV từ khu lưu trữ/các bể chứa đến nơi xử lý CTNH (Từ 1 - 2 lần/năm);

+ Bước 4: Bao gói thuốc BVTV được xử lý tại các cơ sở xử lý CTNH theo quy định của pháp luật.

5. Đề xuất giải pháp xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đã được thu gom tại các bể chứa

- Bao gói thuốc BVTV là CTNH nên các địa phương không tự ý xử lý tại chỗ (đốt, chôn lấp hoặc các hình thức khác) mà cần phải ký kết hợp đồng với đơn vị đủ năng lực vận chuyển và xử lý CTNH (Theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT) để xử lý đúng kỹ thuật và yêu cầu;

- Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện/thành phố làm chủ nguồn thải trong trường hợp lượng phát sinh bao gói thuốc BVTV < 2 tấn/năm (<100 kg/tháng). Trường hợp lượng phát sinh >1,2 tấn/năm thì phân cấp cho UBND xã làm chủ nguồn thải;

- Việc lựa chọn và ký hợp đồng với các đơn vị vận chuyển và xử lý phải đảm bảo các đơn vị này có đủ năng lực vận chuyển và xử lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT;

- UBND huyện/thành phố hướng dẫn UBND xã/phường thu gom và lưu trữ bao gói thuốc BVTV theo quy định;

- Thông báo lịch thu gom bao gói thuốc BVTV đến UBND xã/phường để chỉ đạo kịp thời các tổ vệ sinh môi trường, tổ thu gom bao gói thuốc BVTV tại địa phương triển khai, phối hợp thực hiện;

- Tăng cường công tác tuyên truyền để cán bộ, Nhân dân hiểu lợi ích của việc sử dụng thuốc BVTV đúng cách.

6. Giải pháp quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV vật sau sử dụng

- Sở Tài nguyên và Môi trường hàng năm thực hiện kiểm tra, đánh giá, hướng dẫn UBND huyện/thành phố thực hiện công tác quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa; hiện thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh;

- Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát của cộng đồng; công tác kiểm tra

của chính quyền địa phương. Tổ chức hoạt động thanh tra, kiểm tra của các cơ quan chuyên ngành nhằm phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm quy định về BVMT;

- UBND huyện/thành phố xác định và giao nhiệm vụ cụ thể, phân rõ trách nhiệm cho UBND cấp xã và các ban, ngành của địa phương; thành lập Ban chỉ đạo cấp huyện; các tổ tự quản về quản lý bể chứa, khu vực lưu chứa bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn quản lý.

Phần thứ 4

TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ ÁN

I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành và UBND huyện/thành phố và các cơ quan liên quan phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn, giám sát quá trình triển khai thực hiện Đề án đảm bảo tiến độ, mục tiêu đề ra;
- Tham mưu UBND thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về phân loại, thu gom, vận chuyển, xử lý CTNH, trong đó có vỏ bao gói thuốc BVTV;
- Tổ chức kiểm tra, giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về BVMT tại các cơ sở thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV; trách nhiệm của UBND huyện/thành phố trong tổ chức thực hiện các nội dung của Đề án;
- Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn việc thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định về quản lý CTNH; tuyên truyền, tập huấn nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng trong chấp hành các quy định của pháp luật về BVMT và thực hiện tốt các nội dung của Đề án;
- Định kỳ Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh kết quả và tiến độ thực hiện Đề án.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Tổ chức tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức của cộng đồng, tổ chức, cá nhân trong thực hiện BVMT; chấp hành các quy định của pháp luật về thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong sản xuất nông nghiệp;
- Tổ chức tập huấn, tuyên truyền về kỹ thuật sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng cho cán bộ quản lý, công chức, viên chức phụ trách lĩnh vực môi trường, trồng trọt, bảo vệ thực vật; các tổ chức, cá nhân sử dụng thuốc BVTV trên địa bàn huyện/thành phố;
- Biên soạn tài liệu tuyên truyền, in ấn phát hành tờ rơi, poster, áp phích hướng dẫn về sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả theo nguyên tắc “4 đúng”, “5 quy tắc vàng”; sử dụng các loại thuốc trừ sâu sinh học và kỹ thuật quản lý dịch hại tổng hợp trên đồng ruộng;
- Kiểm tra, hướng dẫn các địa phương, tổ chức, cá nhân liên quan trong việc tuyên truyền sử dụng thuốc BVTV, lựa chọn địa điểm để lắp đặt bể chứa và xây dựng khu vực lưu chứa vỏ bao gói thuốc BVTV trên địa bàn huyện/thành phố;
- Tăng cường thanh tra, kiểm tra, chấn chỉnh các hoạt động kinh doanh thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh; phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp vi phạm; thường xuyên cập nhật và công bố danh mục các loại thuốc BVTV hóa học và sinh học được phép sử dụng trên địa bàn tỉnh (Theo Thông tư 19/2022/TT-BNNPTNT);
- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thu gom, vận

chuyên, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định về quản lý CTNH;

- Vận động các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thuốc BVTV tham gia xã hội hoá trong xây dựng bể thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và các hoạt động tuyên truyền nâng cao ý thức cộng đồng trong sử dụng thuốc BVTV và quản lý vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường định kỳ tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh để báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

- Hàng năm, căn cứ vào khả năng ngân sách tỉnh tham mưu trình UBND tỉnh bố trí nguồn kinh phí để triển khai các nội dung, nhiệm vụ theo Đề án đã đề ra theo quy định phân cấp quản lý ngân sách nhà nước hiện hành;

- Hướng dẫn, đôn đốc thực hiện công tác thu giá dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn các huyện, thành phố bố trí kinh phí hàng năm để tổ chức thực hiện Đề án này;

- Hướng dẫn việc triển khai thực hiện đấu thầu hoặc đặt hàng hoạt động dịch vụ vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh.

4. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổng hợp, tham mưu trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (*nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp tỉnh, cấp nhà nước*) triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến, hiện đại nhằm hạn chế lượng sử dụng và tác động xấu của thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp;

- Tuyên truyền, ứng dụng các thành tựu khoa học tiên tiến, đặc biệt là công nghệ sinh học trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh;

- Ưu tiên triển khai các nhiệm vụ khoa học công nghệ thực hiện các giải pháp, mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng đảm bảo hiệu quả.

5. Sở Thông tin và Truyền thông

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, cơ quan thông tin đại chúng và UBND huyện/thành phố thực hiện công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức chấp hành pháp luật về BVMT nói chung và quản lý bao gói thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp;

- Định hướng các cơ quan thông tấn, báo chí phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND huyện/thành phố thực hiện tuyên truyền trên Cổng thông tin điện tử tỉnh, các trang mạng xã hội (facebook, zalo,...) và các phương tiện thông tin đại chúng về công tác thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh, đặc biệt khu vực canh tác nông nghiệp trọng điểm, khu vực đầu nguồn nước...

để nâng cao nhận thức của cộng đồng về công tác vệ sinh môi trường nông thôn.

6. Cơ quan báo chí, đài phát thanh và truyền hình

- Xây dựng chuyên trang, chương trình, bài viết, phóng sự chuyên sâu, tăng thời lượng thông tin trên các ấn phẩm báo chí, tuyên truyền về nguy cơ ÔNMT từ thuốc BVTV để từng bước thay đổi tư duy, thói quen lệ thuộc vào thuốc BVTV;

- Xây dựng phóng sự tuyên truyền, ghi hình, đưa tin về các hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn tỉnh. Hướng dẫn Trung tâm Văn hoá, truyền thông và Thể thao huyện/thành phố dành thời lượng để tuyên truyền tại địa phương;

- Đẩy mạnh hoạt động truyền thông về các mô hình sử dụng thuốc BVTV sinh học, thảo mộc thân thiện với môi trường trong sản xuất nông nghiệp góp phần giảm thiểu sử dụng thuốc BVTV hóa học, giảm tác động xấu đến môi trường và sức khỏe của con người.

7. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội

- Tăng cường tuyên truyền, vận động mọi tầng lớp Nhân dân tích cực, chủ động tham gia thực hiện Đề án. Huy động sự ủng hộ, đóng góp xã hội hóa thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn lực cho các nội dung của Đề án;

- Thực hiện vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; kịp thời phát hiện và đấu tranh với các hành vi vi phạm luật BVMT và quản lý chất thải trên địa bàn tỉnh;

- Phối hợp với chính quyền, ngành chức năng tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đoàn viên, hội viên và nhân dân về BVMT trong sản xuất nông nghiệp;

- Hội nông dân, hội phụ nữ; đoàn thanh niên tổ chức phát động phong trào gắn với các hoạt động của Hội, đoàn thể, các sự kiện đặc biệt như (ngày Môi trường thế giới 05/6, ngày Đa dạng sinh học 22/5, ngày nước thế giới 22/3...) để thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trong sản xuất trồng trọt trên địa bàn tỉnh.

8. Ủy ban nhân dân huyện, thành phố

- Xây dựng và ban hành Kế hoạch thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV trên địa bàn quản lý; chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh thực hiện tốt các nội dung của Đề án;

- Hàng năm xây dựng dự toán kinh phí thực hiện, thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV; Giao phòng chuyên môn cấp huyện quản lý thực hiện thu gom, vận chuyển và xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV làm đầu mối tổ chức đấu thầu, đặt hàng ký hợp đồng với các đơn vị có đủ điều kiện để vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn theo đúng quy định;

- Căn cứ theo tình hình thực tế tại địa phương để xây dựng kế hoạch tập huấn, tuyên truyền cụ thể hoặc lồng ghép với các lớp tập huấn khác để đảm bảo sự phù hợp, tính hiệu quả. Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng thuốc BVTV an toàn, hiệu quả và thu gom, phân loại, xử lý bao gói thuốc BVTV

sau sử dụng đảm bảo theo quy định;

- Chỉ đạo các xã, thị trấn thực hiện rà soát, thống kê các bể chứa bị hư hỏng cần thay thế và xây dựng kế hoạch lắp đặt, bố trí các bể chứa, khu vực lưu chứa đảm bảo đủ về số lượng, cũng như yêu cầu theo quy định tại khoản 2, khoản 4 điều 3, Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT cho từng xã, thị trấn;

- Chỉ đạo, hướng dẫn UBND cấp xã thực hiện việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng; quản lý việc thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn;

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trên địa bàn phát động phong trào thu gom bao gói thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp;

- Thường xuyên kiểm tra, hướng dẫn việc thu gom bao gói thuốc BVTV sau sử dụng theo quy định của pháp luật;

- Tổ chức đấu thầu, ký hợp đồng với các đơn vị có đủ điều kiện để vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trên địa bàn theo đúng quy định.

- Định kỳ tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng trên địa bàn; kết quả báo cáo UBND tỉnh (*qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*) tổng hợp.

9. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn

- Tổ chức rà soát, bố trí địa điểm lắp đặt bể chứa, khu vực lưu chứa, thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng và xây dựng kế hoạch lắp đặt bể chứa, khu vực lưu chứa bảo đảm theo quy định;

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan, đoàn thể cấp xã thực hiện tuyên truyền, vận động để nâng cao nhận thức của cộng đồng nhằm hạn chế việc vứt bỏ bừa bãi bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, không vứt CTRSH vào các bể chứa bao gói thuốc BVTV; tham gia thu gom bao gói thuốc BVTV vào bể chứa;

- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện công tác thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV trong sản xuất nông nghiệp trên địa bàn; kiểm tra, đôn đốc, nhắc nhở các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình chấp hành các quy định về BVMT; kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp vi phạm về vệ sinh môi trường trên địa bàn quản lý;

- Xây dựng và thực hiện hương ước ở thôn, bản, tổ dân phố về giám sát thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, bảo quản bể chứa; đưa nội dung thu gom vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào tiêu chí bình xét gia đình văn hóa, khu dân cư văn hoá;

- Tổng hợp tình hình phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV sau sử dụng, báo cáo UBND cấp huyện kết quả triển khai, những khó khăn, bất cập trong quá trình thực hiện; kiến nghị, đề xuất giải pháp khắc phục.

10. Người sử dụng thuốc BVTV

a) Thực hiện trách nhiệm theo quy định tại khoản 1, Điều 5 Thông tư liên tịch số 05/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT, cụ thể:

- Sau khi pha chế, phun rải thuốc BVTV phải thu gom vỏ bao gói vào bể chứa theo quy định tại Điều 3 Thông tư liên tịch số 05/2016/TT-BNNPTNT-BTNMT;

- Để riêng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng với CTRSH và rác vệ sinh đồng ruộng; Không bỏ các loại rác thải khác vào bể chứa bao gói thuốc BVTV;

- Không sử dụng bao gói thuốc BVTV sau sử dụng vào các mục đích khác hoặc bán phế liệu; Không tự ý đốt hoặc đem chôn bao gói thuốc BVTV sau sử dụng;

b) Chủ động nghiên cứu, sử dụng thuốc BVTV sinh học, thảo mộc thân thiện với môi trường trong hoạt động sản xuất nông nghiệp để bảo vệ môi trường, sức khỏe của bản thân, gia đình và cộng đồng.

c) Chủ động, tích cực tham gia các hoạt động, chương trình, mô hình thu gom, vận chuyển, xử lý và tiêu hủy vỏ bao gói thuốc BVTV do các cơ quan ban ngành tại địa phương tổ chức thực hiện; Chấp hành nghiêm chỉnh nội quy, quy chế về quản lý vỏ bao gói thuốc BVTV theo quy định của địa phương.

II. DỰ KIẾN KINH PHÍ THỰC HIỆN

Tổng kinh phí thực hiện: : **44.675.000.000 đồng**

(Bốn mươi bốn tỷ, sáu trăm bảy mươi năm triệu đồng chẵn).

1. Ngân sách Nhà nước: 37.675.000.000 đồng

- Ngân sách tỉnh: 9.000.000.000 đồng

- Ngân sách huyện: 28.675.000.000 đồng

2. Kinh phí xã hội hóa: 7.000.000.000 đồng.

PHỤ LỤC: ĐỀ ÁN

**Thu gom, vận chuyển, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật trong hoạt động sản xuất nông nghiệp
trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2030**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /10/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

PHỤ LỤC 1. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN THỰC HIỆN

TT	Tên Chương trình, nhiệm vụ	Mục tiêu	Thời gian thực hiện	Kinh phí (Triệu đồng)	Đơn vị phụ trách
1	Nhiệm vụ: Rà soát sửa chữa và xây dựng mới các bể thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh	Hoàn thiện hệ thống các bể thu gom bao gói TBVTV trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT.	Xây mới: 2024 - 2026 Sửa chữa: 2024-2030	10.090 5.661	UBND huyện, thành phố
2	Đề tài: Nghiên cứu các giải pháp thúc đẩy sử dụng Thuốc BVTV sinh học tại các khu vực trồng cây ăn quả và sản xuất rau tập trung trên địa bàn tỉnh	Tăng cường tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV có nguồn gốc sinh học thay thế cho các loại TBVTV hóa học nhằm hạn chế tác động môi trường và nâng cao chất lượng nông sản	2024 - 2025	1.000	Sở KH&CN
3	Đề tài: Nghiên cứu ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại giảm thiểu tác động môi trường do sử dụng thuốc BVTV tại các khu vực canh tác trọng điểm tỉnh Bắc Giang	Đẩy mạnh ứng dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại trong sử dụng thuốc BVTV và quản lý bao gói thuốc BVTV tại các khu vực canh tác trọng điểm của tỉnh, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, nâng cao chất lượng nông sản, bảo vệ sức khỏe người dân	2025 - 2026	1.000	Sở KH&CN
4	Nhiệm vụ: Xây dựng, đề xuất mô hình tự quản thu gom bao gói thuốc BVTV trên địa bàn tỉnh	Xây dựng các mô hình đoàn, hội tham gia quản lý bao gói thuốc BVTV sau sử dụng có hiệu quả để nhân rộng trên địa bàn tỉnh	Hàng năm	50 triệu/mô hình (Hỗ trợ bằng hiện vật)	Hội Nông dân tỉnh

PHỤ LỤC 2. KHAI TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN

TT	Các khoản chi	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Triệu đồng)	Kinh phí (Triệu đồng)	Nguồn Kinh phí
1	Kinh phí đầu tư xây dựng, hoàn thiện hệ thống bể thu gom				15.751	
1.1	Xây dựng mới (đơn giá 1.000.000 đồng/bể)	Bể	10.090	1	10.090	NS Huyện/Thành phố
1.2	Rà soát, sửa chữa (5%*Tổng số bể/năm*7 năm)	Bể	5.661	1	5.661	
2	Chi thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên liên quan đến thu gom, vận chuyển và xử lý bao gói thuốc BVTV				19.924	
2.1	Hoạt động tuyên truyền, tập huấn (100 triệu đồng/năm/địa phương)	Năm	7	1.000	7.000	NS Huyện/Thành phố
2.2	Chi hỗ trợ xây dựng các mô hình hoạt động đoàn thể (Hỗ trợ bằng hiện vật 50 triệu/mô hình* 20 mô hình/năm*7 năm; Chi phí hỗ trợ mô hình chi tiết xem Phụ lục 4)	Mô hình	140	50	7.000	NS Tỉnh (Giao hội nông dân, Hội phụ nữ)
2.4	Chi hoạt động thu gom, vận chuyển, xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV hàng năm (Giá vận chuyển, xử lý 50.000đ/kg; Bảng tính chi tiết xem Phụ lục 5)	Kg	118.481	0,05	5.924	NS Huyện/Thành phố
3	Chi hoạt động NCKH liên quan (01 đề tài/năm *1.000 đồng/đề tài)	Đề tài	2	1.000	2.000	NS Tỉnh (Giao cho Sở Khoa học và Công nghệ)
4	Các khoản chi khác (1.000 triệu đồng/năm)	Năm	7	1.000	7.000	Xã hội hóa
	Tổng kinh phí				44.675	

PHỤ LỤC 3. KHAI TOÁN KINH PHÍ HỖ TRỢ XÂY DỰNG MÔ HÌNH HOẠT ĐỘNG ĐOÀN THỂ

TT	Các khoản hỗ trợ	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá (Đồng)	Kinh phí (Đồng)
1	Xe đẩy rác 1.000L	Cái	2	4.000.000	8.000.000
2	Thùng đựng rác 500L	Thùng	5	3.000.000	15.000.000
2	Đồ bảo hộ lao động (quần áo, khẩu trang, găng tay, mũ,..)	Bộ	10	1.000.000	10.000.000
3	Dụng cụ hỗ trợ thu gom rác (cuốc, xẻng, chổi...)	Gói	1	2.000.000	2.000.000
4	Chi phí thiết kế, in ấn tài liệu tuyên truyền tập huấn (Tờ rơi, băng rôn, áp phích,...)	Gói	1	15.000.000	15.000.000
	Tổng kinh phí				50.000.000

** Ghi chú: Hỗ trợ mô hình bằng hiện vật (Trang thiết bị, vật tư,...) thông qua các mô hình khuyến nông do Hội nông dân tỉnh tổ chức*

**PHỤ LỤC 4. KINH PHÍ THU GOM, XỬ LÝ BAO GÓI THUỐC BVTV CỦA CÁC ĐỊA PHƯƠNG
GIAI ĐOẠN 2024 - 2030**

Địa phương	KLPS (Kg/năm)	Năm 2024		Năm 2025		Năm 2026		Năm 2027		Năm 2028		Năm 2029		Năm 2030		2024 - 2030	
		Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000 đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)	Khối lượng (Kg)	Kinh phí (1.000đ)
TP Bắc Giang	123	110	5.492	105	5.273	101	5.062	97	4.859	93	4.664	90	4.476	86	4.295	682	34.120
Lục Ngạn	10.719	9.572	478.603	9190	459.510	8.823	441.130	8.469	423.439	8.128	406.414	7.801	390.033	7.485	374.274	59.468	2.973.402
Lục Nam	3.485	3.112	155.605	2988	149.398	2.868	143.422	2.753	137.670	2.643	132.135	2.536	126.809	2.434	121.685	19.334	966.723
Sơn Động	1.024	914	45.722	878	43.898	843	42.142	809	40.452	777	38.825	745	37.260	715	35.755	5.681	284.053
Yên Thế	1.152	1.029	51.437	988	49.385	948	47.409	910	45.508	874	43.678	838	41.918	804	40.224	6.391	319.560
Lạng Giang	931	831	41.569	798	39.911	766	38.314	736	36.778	706	35.299	678	33.876	650	32.508	5.165	258.255
Tân Yên	1.227	1.096	54.786	1052	52.600	1.010	50.496	969	48.471	930	46.522	893	44.647	857	42.843	6.807	340.364
Việt Yên	789	705	35.229	676	33.823	649	32.471	623	31.168	598	29.915	574	28.709	551	27.549	4.377	218.865
Yên Dũng	783	699	34.961	671	33.566	644	32.224	619	30.931	594	29.688	570	28.491	547	27.340	4.344	217.201
Hiệp Hoà	1.123	1.003	50.142	963	48.142	924	46.216	887	44.362	852	42.579	817	40.863	784	39.212	6.230	311.515
Tổng	21.356	19.071	953.545	18310,1	915.505	17.578	878.885	16.873	843.638	16.194	809.718	15.542	777.082	14.914	745.685	118.481	5.924.058

**Ghi chú:*

- KLPS = Khối lượng phát sinh (KLPS năm sau ước tính giảm 5% so với năm trước dựa vào các yếu tố như giảm diện tích canh tác đất nông nghiệp, tăng tỷ lệ sử dụng thuốc BVTV sinh học, giảm lượng thuốc BVTV hóa học)

- Khối lượng vận chuyển, xử lý (kg) = Khối lượng phát sinh (kg) * Tỷ lệ thu gom (Trong đó: Tỷ lệ thu gom bao gói thuốc BVTV của các năm cụ thể như sau: 2024 (94%), 2025 (95%), 2026 (96%), 2027 (97%), 2028 (98%), 2029 (99%) và 2030 (100%))

- Giá thu gom vận chuyển, xử lý vỏ bao gói thuốc BVTV: 50.000 đồng/kg